

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY NHANH TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN KHÍ Ở VIỆT NAM NHẪM KHAI THÁC HIỆU QUẢ NGUỒN TÀI NGUYÊN TRONG NƯỚC

Hoàng Thị Đào, Đoàn Văn Thuận

Viện Dầu khí Việt Nam

Email: daoht@vpi.pvn.vn

<https://doi.org/10.47800/PVJ.2021.11-04>

Tóm tắt

Việc đảm bảo tiến độ triển khai các dự án khí trọng điểm (Lô B, Cá Voi Xanh và Kèn Bầu), sớm đưa khí vào bờ không chỉ cung cấp kịp thời nguồn năng lượng cho các dự án điện khí theo Dự thảo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII), mà còn duy trì đà tăng trưởng và gia tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Việt Nam cần có giải pháp đẩy nhanh tiến độ các dự án đưa khí vào bờ nhằm đảm bảo an ninh năng lượng (đáp ứng nhu cầu khí trong nước tăng cao), chuyển hóa nhanh tài nguyên khí thành ngân sách quốc gia trong xu hướng chuyển dịch năng lượng và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư đã bỏ ra (dự án có phần vốn góp của doanh nghiệp Nhà nước).

Bài báo phân tích biến động nguồn thu ngân sách Nhà nước khi chậm đưa dự án khí vào khai thác, so sánh lợi ích của quốc gia khi đẩy mạnh khai thác khí trong nước với nhập khẩu LNG, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để sớm đưa các dự án khí vào khai thác.

Từ khóa: Sản lượng khí, Lô B, Cá Voi Xanh, Kèn Bầu.

1. Giới thiệu

Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/2/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [1] đã đề ra quan điểm chỉ đạo là “ưu tiên phát triển điện khí, có lộ trình giảm tỷ trọng điện than một cách hợp lý”. Hiện tại, sản lượng khai thác khí trong nước đạt 9,16 tỷ m³ (2020), chủ yếu được sử dụng làm nhiên liệu cho sản xuất điện (trên 80%) và công nghiệp (khoảng 10%). Theo dự thảo Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050, dự báo nhu cầu khí tăng nhanh do áp lực giảm phát thải khí nhà kính, hạn chế các dự án điện than mới và các hộ công nghiệp chuyển sang sử dụng khí. Dự báo tổng nhu cầu tiêu thụ khí trong nước đạt 14 tỷ m³ năm 2025, 26 tỷ m³ năm 2030 và lên tới hơn 68 tỷ m³ vào năm 2050. Vì vậy, Việt Nam cần phải đẩy nhanh tiến độ phát triển các dự án khí lớn như Lô B, Cá Voi Xanh, Kèn Bầu...

Theo Wood Mackenzie, thời gian trung bình từ khi có phát hiện dầu khí đến khi bắt đầu đưa vào khai thác khoảng gần 7 năm [2]. Trong khi đó ở Việt Nam, thời gian đối với các dự án khai thác dầu trung bình khoảng 5 năm, đối với các dự án khí kéo dài khoảng từ 10 - 20 năm. Nguyên nhân do công tác phát triển thị trường tiêu thụ khí, các vướng mắc về các thủ tục, chính sách, quy định liên quan tới quá trình phát triển dự án khí và thị trường khí. Điều này làm giảm tính hiệu quả kinh tế của dự án và kéo theo chậm trễ trong việc phát triển thị trường khí trong nước. Do đó, Việt Nam cần có giải pháp đẩy nhanh tiến độ các dự án đưa khí vào bờ nhằm đảm bảo an ninh năng lượng (đáp ứng nhu cầu khí trong nước tăng cao), chuyển hóa nhanh tài nguyên khí thành ngân sách quốc gia trong xu hướng chuyển dịch năng lượng và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư (dự án có phần vốn góp của doanh nghiệp Nhà nước).

2. Thực trạng các dự án khí lớn đang phát triển/ chuẩn bị phát triển tại Việt Nam

2.1. Dự án khí Lô B

Theo báo cáo đầu tư năm 2017, dự án khí Lô B khi



Ngày nhận bài: 3/10/2021. Ngày phân biên đánh giá và sửa chữa: 3/10 - 5/11/2021.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 5/11/2021.

đi vào hoạt động thương mại sẽ cung cấp sản lượng khoảng 5 tỷ m³ khí/năm. Tuy dự án khí Lô B được triển khai nghiên cứu từ đầu những năm 2000 nhưng đã bỏ lỡ nhiều mốc kế hoạch đưa khí vào bờ cung cấp cho các dự án điện khí Ô Môn 2, 3 và 4 (có tổng công suất 3.150 MW). Theo báo cáo đầu tư lần 1, dự án sẽ đưa khí vào bờ năm 2011. Theo Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 30/3/2011 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2015, định hướng đến năm 2025 [3], dự án sẽ đưa khí vào bờ năm 2014. Theo báo cáo đầu tư lần 2, dự án sẽ đưa khí vào bờ năm 2017 và theo báo cáo đầu tư lần 3 (lập năm 2017), khí được đưa vào bờ năm 2021. Hiện nay, nếu thúc đẩy triển khai dự án ngay thì có thể có nguồn khí đầu tiên vào bờ năm 2025. Nguyên nhân dự án khí Lô B chậm tiến độ do ở giai đoạn đầu, thời điểm nhà điều hành Chevron (Mỹ) triển khai, để đảm bảo hiệu quả đầu tư giá khí khá cao so với mặt bằng chung. Vào thời điểm hiện tại, giá khí cơ sở dự án Lô B đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2017 là 9,360 USD/triệu BTU và trượt giá 2,5%/năm tính từ ngày 1/1/2016.

2.2. Dự án khí Cá Voi Xanh

Dự án khí Cá Voi Xanh dự kiến cung cấp khoảng 7,2 tỷ m³ khí/năm từ năm 2025. Theo Dự thảo Quy hoạch điện VIII, các nhà máy điện khí sử dụng nguồn khí Cá Voi Xanh gồm có: Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III, Miền Trung I và Miền Trung II. Tuy nhiên, chuỗi dự án khí - điện Cá Voi Xanh đang còn các vướng mắc về quy định pháp lý trong việc triển khai dự án. ExxonMobil đã trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam dự thảo Báo cáo phát triển mỏ theo hướng tích hợp giữa hợp phần ngoài biển và hợp phần trên bờ (nhà máy xử lý khí, đường ống trên bờ). Tuy nhiên, các quy định pháp lý hiện hành còn thiếu hướng dẫn rõ ràng đối với trường hợp này, gây phát sinh các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực đất đai trên bờ chưa được nêu rõ trong Luật Dầu khí và Hợp đồng PSC các Lô 117, 118 & 119.

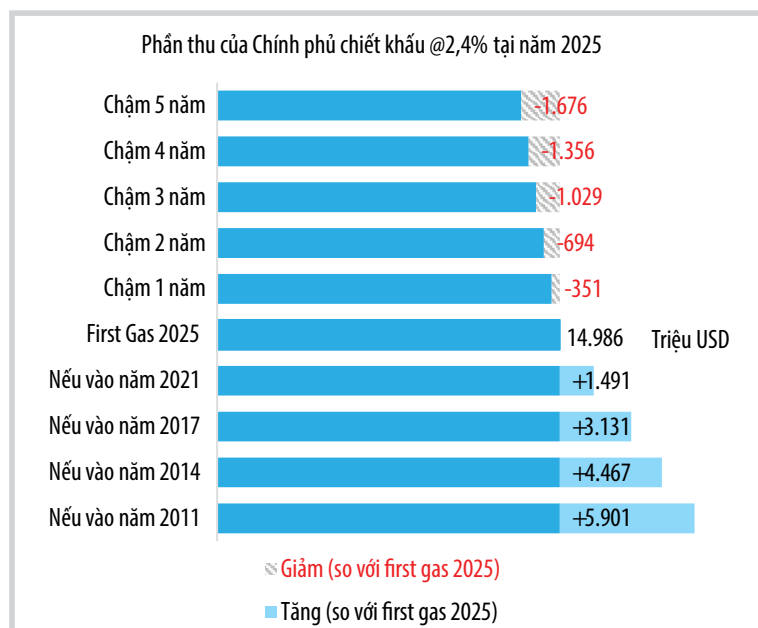
2.3. Dự án khí Kèn Bàu

Kết quả khoan thăm dò bước đầu đã khẳng định hệ thống dầu khí tại khu vực cấu

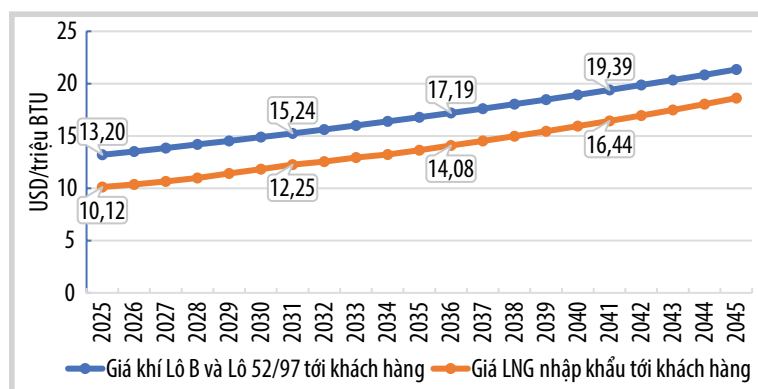
tạo Kèn Bàu (Lô 114, bể Sông Hồng), cho thấy tiềm năng lớn về khí tự nhiên, cung cấp khoảng 4 - 6 tỷ m³/năm (theo dự kiến của nhà thầu), để khẳng định chắc chắn về trữ lượng nhà thầu đang tiến hành thẩm lượng.

3. Chậm tiến độ của các dự án khai thác khí ảnh hưởng đáng kể tới nguồn thu của Chính phủ

Theo tính toán của Viện Dầu khí Việt Nam (VPI), Dự án khí Lô B nếu đưa vào khai thác chậm 1 năm so với kế hoạch dự kiến (khả thi vào năm 2025), nguồn thu của Chính phủ (quy về giá trị tiền của năm 2025 với hệ số chiết khấu bằng với lãi suất trái phiếu chính phủ dài hạn) sẽ giảm 2,3%, tương ứng giảm 351 triệu USD. Tương tự nếu đưa dự án vào khai thác chậm 1 năm, Chính phủ giảm thu 216 triệu USD đối với Dự án Cá Voi Xanh và 149 triệu USD đối với Dự án Kèn Bàu. Trong trường hợp đưa dự án vào khai thác chậm 5 năm, nguồn thu của Chính phủ giảm 11,2%, (tương ứng giảm 1,68 tỷ USD đối với Dự án Lô B, giảm 1,03 tỷ USD đối với Dự án Cá Voi Xanh và giảm 709 triệu USD đối với Dự án Kèn Bàu).



Hình 1. Dự báo biến động thu ngân sách Nhà nước theo thời điểm đưa Dự án Lô B vào khai thác.



Hình 2. Giá khí Lô B và giá LNG nhập khẩu tới khách hàng.

Bảng 1. So sánh giá khí tới hộ tiêu thụ và thu của Chính phủ trong dự án Lô B và LNG nhập khẩu giai đoạn 2024 - 2044

TT	Hạng mục	Dự án	Dự án khí Lô B	LNG nhập khẩu	Chênh lệch
			(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
1	Giá khí trung bình tới hộ tiêu thụ (USD/triệu BTU)		16,96	13,93	3,04
2	Thu của Chính phủ (tỷ USD)		19,768	1,080	18,688
Trường hợp giá khí Lô B tới hộ tiêu thụ = Giá LNG nhập khẩu tới hộ tiêu thụ					
1	Giá khí trung bình tới hộ tiêu thụ (USD/triệu BTU)		13,93	13,93	0
2	Thu của Chính phủ (tỷ USD)		10,210	1,080	9,130

Bảng 2. So sánh ưu, nhược điểm giữa phát triển dự án khí Lô B với nhập khẩu LNG

Dự án	Phát triển dự án khí Lô B	Nhập khẩu LNG
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> Tổng thu của Chính phủ cao hơn (trường hợp giá khí tới hộ tiêu thụ cuối cùng cạnh tranh với LNG nhập khẩu); Chủ động, ổn định nguồn cung khí trong nước; Tiết kiệm đáng kể ngoại tệ, hỗ trợ cải thiện cán cân thương mại Việt Nam (chênh lệch thu xuất khẩu và chi cho nhập khẩu); Tạo công ăn việc làm, tăng GDP, nâng cao năng lực nội địa trong toàn chuỗi dầu khí; Thu được khoản chi phí phía nhà thầu Việt Nam (PVN và PVEP - Doanh nghiệp Nhà nước). 	<p>Đa dạng nguồn cung, xây dựng thị trường khí cạnh tranh (thúc đẩy giảm chi phí khai thác trong nước)</p>
Nhược điểm/rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro trữ lượng khai thác, hiệu quả kinh tế không như kỳ vọng (rủi ro địa chất, vận hành...). 	<ul style="list-style-type: none"> Phụ thuộc vào nguồn cung nước ngoài, nhiều rủi ro thiếu nguồn khí thị trường dầu khí bất ổn (rủi ro địa chính trị, chiến tranh, thiên tai...); Cần lượng lớn ngoại tệ để nhập khẩu khí hàng năm, tác động tới cán cân thương mại (cán cân thương mại giảm); Rủi ro tỷ giá hối đoái, tác động tăng giá khí tới hộ tiêu thụ.

Như vậy, nếu càng trì hoãn đưa dự án vào khai thác thì mức giảm thu của Chính phủ càng lớn và giảm hiệu quả về kinh tế cho các nhà đầu tư. PVN/PVEP tham gia trong Dự án Lô B với vai trò nhà điều hành trực tiếp (vốn góp trên 65%, chi phí đã đầu tư bỏ ra tính đến nay khoảng trên 350 triệu USD) và tham gia dự án Cá Voi Xanh trên 35% từ năm 2016. Bên cạnh đó, tiến độ đưa khí vào bờ ảnh hưởng trực tiếp tới chuỗi giá trị điện khí và chiến lược phát triển thị trường năng lượng ở Việt Nam.

4. So sánh lợi ích tổng thể của Dự án Lô B với dự án LNG nhập khẩu tại khu vực Tây Nam Bộ

Để so sánh lợi ích của nước giữa đầu tư cho dự án khai thác khí trong nước hay dự án LNG nhập khẩu, Viện Dầu khí Việt Nam (VPI) đã tính toán từng trường hợp cụ thể để các cơ quan có thẩm quyền xem xét, có giải pháp phù hợp nhằm tối ưu hiệu quả tổng thể của nền kinh tế. Nghiên cứu đánh giá về giá khí cuối cùng, thu của Chính phủ và rủi ro giữa việc đầu tư khai thác khí Lô B với 1 dự án nhập khẩu LNG có công suất cung cấp khí tương đương (giá LNG khu vực châu Á theo dự báo IHS tháng 6/2020), đưa khí vào bờ tại GPP Cà Mau - GPP Kiên Giang và cung cấp khí cho các nhà máy điện tại khu vực

Tây Nam Bộ.

Kết quả tính toán cho thấy giá khí tới hộ tiêu thụ cuối cùng của Dự án Lô B cao hơn dự án khí LNG nhập khẩu trung bình là 3,04 USD/triệu BTU (Hình 2); đổi lại, tổng thu ngân sách Nhà nước (thuế tài nguyên, lợi nhuận từ hoạt động dầu khí, thuế thu nhập doanh nghiệp) cả đời dự án Lô B cao hơn so với dự án LNG nhập khẩu (thuế thu nhập doanh nghiệp) là 18,69 tỷ USD (Bảng 1).

Nếu đặt giá khí Lô B tới khách hàng bằng giá LNG nhập khẩu tới khách hàng, giá khí Lô B cả đời dự án sẽ giảm trung bình khoảng 3,04 USD/triệu BTU. Để tạo điều kiện cho giá khí Lô B bằng với giá LNG nhập khẩu mà vẫn đảm bảo lợi ích của nhà thầu (không đổi IRR = 10,69%), Nhà nước nên có chính sách giảm thu hoặc bù giá khí cho hộ tiêu thụ cuối cùng với mức trung bình 3,04 USD/triệu BTU (tương đương tổng thu ngân sách giảm 9,56 tỷ USD). Trong trường hợp này, tổng thu của Chính phủ trong dự án khí Lô B vẫn cao hơn so với dự án LNG nhập khẩu là 9,13 tỷ USD.

Như vậy, việc thúc đẩy khai thác dự án khí trong nước có lợi hơn nhiều so với nhập khẩu khí LNG với phân tích chi tiết được trình bày tại Bảng 2.

4. Kết luận

Việc nhanh chóng triển khai các dự án khí Lô B, Cá Voi Xanh và Kèn Bầu, sớm đưa khí vào bờ không chỉ cung cấp kịp thời nguồn năng lượng cho các dự án điện khí, đảm bảo an ninh năng lượng và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư đã bỏ ra mà còn giúp gia tăng đáng kể nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, giảm lệ thuộc vào khí nhập khẩu (LNG) và thúc đẩy phát triển kinh tế trong nước. Để thực hiện được điều này, ngoài nỗ lực từ phía doanh nghiệp, cần có giải pháp đồng bộ và kịp thời từ Chính phủ và các cơ quan liên quan để tháo gỡ các “điểm nghẽn” về chính sách.

Viện Dầu khí Việt Nam đề xuất giải pháp xem xét, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 50% xuống 32% (tương tự đối với dự án khuyến khích đầu tư), giảm tỷ lệ chia lãi dầu/khí khoảng 3,273 tỷ USD để giá khí Lô B ngang bằng với giá LNG nhập khẩu. Đây là giải pháp nhằm thúc đẩy phát

triển dự án khí Lô B, đem lại nhiều lợi ích cho phát triển kinh tế đất nước thay vì nhập khẩu LNG.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Chính trị, “Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, 11/2/2020.

[2] Eni, “The new Eni creating value through the energy transition”. [Online]. Available: <https://www.eni.com/assets/documents/investor/2020/eng/2019-full-year-results-strategy.pdf>.

[3] Thủ tướng Chính phủ, “Quyết định số 459/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam giai đoạn đến năm 2015, định hướng đến năm 2025”, 30/3/2011.

CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS TO ACCELERATE THE IMPLEMENTATION OF GAS PROJECTS IN VIETNAM TO EFFECTIVELY EXPLOIT DOMESTIC RESOURCES

Hoang Thi Dao, Doan Van Thuan

Vietnam Petroleum Institute

Email: daoht@vpi.pvn.vn

Summary

Ensuring the implementation progress of Vietnam's major gas projects (Block B, Ca Voi Xanh and Ken Bau) with early gas flow to the shore not only provides gas for power projects on time in accordance with the draft National Power Development Master Plan for the 2021 - 2030 period, with a vision to 2045 (draft Power Master Plan VIII), but also maintains the momentum of economic growth and increase revenues for the State budget.

Vietnam needs solutions to accelerate the progress of projects to bring gas to shore to ensure energy security (meeting the increasing domestic gas demand), and to convert gas resources into national budget in the trend of energy transition and efficiency of investment capital (for projects having state-owned enterprise's capital).

The article analyses the fluctuation of State budget revenue when gas projects are slow to be put into operation, compares the national benefits of gas extraction projects with LNG import, and thereby recommends solutions to put gas projects into early operation.

Key words: Gas output, Block B, Ca Voi Xanh, Ken Bau.